

**CÔNG TY CP DƯỢC  
MEDIPHARCO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước***
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội***

**Tên TCPH : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO**

**Tên giao dịch : MEDIPHARCO**

**Mã chứng khoán : MTP**

**Trụ sở chính : 08 Nguyễn Trường Tộ, Phường Thuận hoá, TP. Huế**

**Điện thoại : 0234. 3822701/3823768/0543822704**

**Fax : 0234. 3826077**

**Sàn giao dịch : UPCOM**

**HUẾ, NGÀY 16/3/2026**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC  
MEDIPHARCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2025 ( Số liệu Tài chính đã kiểm toán)

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng ký lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006
- Vốn điều lệ: 74 554 060 000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN
- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Quận Thuận hoá, Thành phố Huế.
- Điện thoại : (84) 0234 3832814, 3823099, 3827215
- E-mail : [medipharco@medipharco.com.vn](mailto:medipharco@medipharco.com.vn)
- Website [www.medipharco.com](http://www.medipharco.com) / [www.medipharco.com.vn](http://www.medipharco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: MTP

#### a. Quá trình hình thành và phát triển

##### ❖ **Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)**

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị



tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10 000 000 000 đồng (Mười tỷ đồng)

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20 000 000 000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Niêm yết: trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

Năm 2019: sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**; **Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập;**

Năm 2020: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT ( gồm 3 thành viên) - Ban Kiểm soát ( Gồm 3 thành viên) nhiệm kì 4 ( 2020-2025). Thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :

- + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
- + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:
- + Thay đổi Tổng giám đốc.

Năm 2021: Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu về việc Bổ sung Ngành ,nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh;

Năm 2022:

- + Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường đã thông qua việc Phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2021. Vốn Điều lệ thay đổi là 74.554.060.000 VNĐ, đồng thời thay đổi Giấy đăng kí kinh doanh lần thứ 12 ngày 22/09/2022 sau khi tăng vốn Điều lệ và bổ sung Ngành nghề kinh doanh
- + Giấy chứng nhận đăng kí chứng khoán ( Lần đầu ngày 13/08/2010)- Đăng kí thay đổi lần thứ 5 ngày 16/09/2022: Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch tại HNX đã thay đổi sau khi phát hành cổ phiếu là : 7.455.406 cổ phiếu.

Thay đổi trong năm 2025:

- *Thay đổi Tên gọi của địa chỉ của doanh nghiệp từ ngày 01/07/2025 thành: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Thuận Hoá, thành phố Huế theo quyết định của Quốc hội về quản lí đơn vị hành chính 2 cấp*
- *Thay đổi giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 14 ngày 13/08/2025 theo Tên gọi mới từ ngày 1/7/2025*
- *Thay đổi các giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất- kinh doanh- Xuất nhập khẩu- Dịch vụ bảo quản theo Tên gọi mới của Giấy ĐK doanh*



*ngành đã thay đổi Tên gọi*

- Bầu lại Hội đồng quản trị- Ban kiểm soát, chỉ định Thư kí HĐQT, Kế toán trưởng, Người quản trị nội bộ, bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Doanh nghiệp nhiệm kì 5( 2025-2030)

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

**a. Ngành nghề kinh doanh đăng kí đến thời điểm 31/12 năm 2025: Không thay đổi so với năm 2024**

**b. Địa bàn kinh doanh chính:**

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng



**Cơ cấu Công ty gồm:**

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch , Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển ( R&D), Kiểm tra chất lượng( QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài

**b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có!**

**4. Mục tiêu – Định hướng phát triển năm 2026 của HĐQT:**

- a) Tiếp tục thực hiện các Mục tiêu – định hướng phát triển – Chỉ tiêu kế hoạch tổng thể nhiệm kì 5 ( 2025-2030) đã được ĐHĐCĐTN 2025 thông qua
- b) Đáp ứng ứng Mục tiêu chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam để ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng



bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lý và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân

c) Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Doanh nghiệp.: Xây dựng, củng cố và phát triển Thương hiệu “MEDIPHARCO”; Phát triển sản xuất Thuốc, khai thác tối đa công suất Nhà máy, thiết bị góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng; Tuân thủ các giải pháp bảo vệ Môi trường

d) Phương hướng phát triển năm 2026: Tiếp tục:

- Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm theo hướng tiếp cận từng bước Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền, phát triển nhóm thuốc công nghệ mới, thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh.... phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của doanh nghiệp cũng như đáp ứng Danh mục sản phẩm cho các Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy công nghệ cao - tiêu chuẩn EU trong tương lai.
- Nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lý theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN, đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lý điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư của doanh nghiệp.
- Tiếp tục Mở rộng hợp tác nghiên cứu- Sản xuất- Kinh doanh toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước! Xây dựng chiến lược đẩy mạnh kinh doanh nhóm sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp
- Tiếp tục Xúc tiến thương mại, Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á...; Phát triển đăng ký lưu hành thuốc nước ngoài; Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu
- Tiếp tục các giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Quản trị dòng tiền có hiệu quả để giảm công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn;
- Áp dụng, triển khai thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong doanh nghiệp
- Phương hướng Đầu tư phát triển doanh nghiệp:
  - Hoàn thành Dự án Đầu tư xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP
  - Nghiên cứu báo cáo khả thi, tìm đối tác trong và ngoài nước và xác định hình thức hợp tác góp vốn, xây dựng phương án tối ưu để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU
  - Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với TP. Huế Dự án đầu tư Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO.



## 5. Các rủi ro:

- ❖ Luật Dược số 44/2024/QHH ban hành ngày 21/11/2024 đã có hiệu lực từ ngày 1/1/2025 ; Theo đó có những sửa đổi, bổ sung Nghị định- các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế theo hướng quản lí chặt chẽ , đồng thời cũng còn một số nội dung bất cập , khó khăn về Đăng kí thuốc; Khó khăn Về Đấu thầu; Về Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cân đùng trong 1 số ngành- lĩnh vực..... sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của các doanh nghiệp ngành dược
- ❖ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng ( Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước... ) ; Đặc biệt nguồn nguyên liệu, Tá dược SX thuốc khan hiếm phải nhập khẩu từ nước ngoài với giá tăng đột biến , không ổn định tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ❖ Năm 2026 doanh nghiệp sẽ tiến hành đầu tư nhiều Dự án và tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống phụ trợ update theo GMP-WHO sẽ dẫn đến bất cập Liên quan Chi phí vay ngân hàng vì Vốn Điều lệ của DN thấp sẽ chi phí tài chính tăng sẽ ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

## II. **Tình hình hoạt động trong năm 2025:**

### 1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### a) **Trong năm 2025 - năm đầu tiên của nhiệm kì HĐQT lần thứ 5 ( 2025-2030)**

##### **Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:**

- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược hiện hành và các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh;
- Chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp
- Giá thành sản xuất dược phẩm luôn biến động do phần lớn nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài; Chi phí về bao bì vật tư, vận chuyển , giá điện nước, xăng dầu liên tục tăng dẫn đến giá thành sản phẩm của Doanh nghiệp rất khó giữ ổn định
- Khó khăn bất cập về việc cấp sổ đăng ký – Gia hạn- Duy trì hiệu lực SĐK ; Về đấu thầu thuốc; Về Kê khai Giá thuốc; Về Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cân đùng trong 1 số ngành- lĩnh vực
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược theo hướng cắt, giảm điều kiện/thủ tục, giảm thời gian cấp phép tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển chưa thỏa mãn với yêu cầu của Doanh nghiệp

#### b) **Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:**

- Điều lệ và các Quy chế hoạt động Quản trị Nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát được ban hành sửa đổi phù hợp với cơ cấu Tổ chức và đặc điểm tình hình hoạt động của DN



- HĐQT- Ban kiểm soát của nhiệm kì 5 được bầu lại nhưng không có sự thay đổi biến động về nhân sự
- Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật tiếp tục được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động
- Người lao động có ý thức tự giác , sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh ; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty

**c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- ❖ Hoạt động sản xuất: Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất , nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 48 triệu SPQĐ –đạt 111%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 320 tỷ đồng đạt tỷ lệ 110%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2025 đến 2030 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ❖ Về tình hình kinh doanh:
  - Năm 2025 MPC đã cơ cấu lại doanh thu các nhóm hàng kinh doanh theo hướng giảm bớt doanh thu nhóm hàng thành phẩm nhập khẩu, kinh doanh nội địa, mở rộng phát triển doanh thu hàng sản xuất tại doanh nghiệp đạt 890 tỷ → nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn 112% /KH và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC
  - MPC tiếp tục tham dự và trúng thầu các gói thầu quốc gia
- ❖ Thị trường xuất khẩu : tiếp tục duy trì, mở rộng, phát triển ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu vượt mốc 2 triệu USD, tạo nguồn ngoại tệ dự trữ phục vụ Nhập khẩu. Đã có hơn 60 số ĐK thuộc được cơ quan quản lí được nước ngoài cấp phục vụ xuất khẩu!
- ❖ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng.
- ❖ Công tác quản lý kinh tế - tài chính ngày càng được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả
- ❖ Kết quả Sản xuất Kinh doanh:
  - Lợi nhuận trước thuế thực hiện 23,3 tỷ đồng – đạt 96% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua
  - Lợi nhuận sau thuế: 18.1 tỷ đồng – đạt 101%% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua



**d) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Đơn vị tính: 1 000 đ

| TT | Chỉ tiêu             | ĐV      | TH năm 2024 | KH năm 2025 | TH năm 2025 | Tỷ lệ % TH/KH |
|----|----------------------|---------|-------------|-------------|-------------|---------------|
| 1  | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng | 1.292,137   | 990         | 890         | 90%           |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 21,574      | 24,174      | 23.315      | 96%           |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 17,804      | 17,840      | 18,132      | 101%          |

**2. Tổ chức và nhân sự**

**a. Danh sách Ban điều hành:**

❖ Hội đồng quản trị:

| STT | HỌ VÀ TÊN                  | CHỨC VỤ                                                  | Ghi chú                          |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Bà: Phan Thị Minh Tâm      | Chủ tịch Hội đồng quản trị NK5                           | Điều hành trực tiếp tại DN       |
| 2   | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT NK5 – Tổng giám đốc                      | Điều hành trực tiếp tại DN       |
| 5   | Ông Nguyễn Văn Hoàng       | Thành viên HĐQT NK5 (Thành viên độc lập không điều hành) | Không điều hành trực tiếp tại DN |

❖ Ban kiểm soát:

| STT | HỌ VÀ TÊN             | CHỨC VỤ                                                        |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Vân Anh   | Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kì 5– Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội |
| 2   | Phan Thanh Hà         | Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 5                            |
| 3   | Trương Thị Hạnh Phước | Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 5                            |

❖ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

• **Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

|                     |                                |
|---------------------|--------------------------------|
| Họ và tên           | Phan Thị Minh Tâm              |
| Giới tính           | Nữ                             |
| Ngày tháng năm sinh | 07/07/1956                     |
| Nơi sinh            | Hải Phòng                      |
| Số CMTND            | 191508810 ngày cấp: 22/09/2014 |
| Quốc tịch           | Việt Nam                       |
| Dân tộc             | Kinh                           |



|                                                                      |                                                                               |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Quê quán                                                             | Phú Vang, Thừa Thiên, Huế                                                     |
| Địa chỉ thường trú                                                   | 106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế                                           |
| Điện thoại liên lạc cơ quan                                          | 0234 3823 768                                                                 |
| Điện thoại di động                                                   | 0913425280                                                                    |
| Trình độ văn hóa                                                     | 10/10                                                                         |
| Trình độ chuyên môn                                                  | Dược sĩ đại học - CKI                                                         |
| Trình độ lý luận                                                     | Cử nhân Chính trị                                                             |
| <b>Quá trình công tác</b>                                            |                                                                               |
| Từ năm 1978 – 1979                                                   | Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên                                                 |
| Từ năm 1978 – 1982                                                   | Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên                                               |
| Từ năm 1982 – 1992                                                   | Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế              |
| Từ năm 1992 – 1998                                                   | Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế                      |
| Từ năm 2/1998 – 12/2005                                              | Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế                                          |
| Từ năm 01/2006 – 2020                                                | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO |
| Từ 2020 đến hiện nay                                                 | Chủ tịch Hội đồng quản trị                                                    |
| Hành vi vi phạm phát luật:                                           | Không                                                                         |
| Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân                               | 96 505 cổ phiếu                                                               |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột | 450 cổ phiếu                                                                  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty                                      | Không                                                                         |

• **TVHĐQT- Tổng giám đốc:**

|                             |                                                                               |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                   | Hoàng Ngọc Hoài Phong                                                         |
| Giới tính                   | Nam                                                                           |
| Ngày tháng năm sinh         | 16/08/1972                                                                    |
| Nơi sinh                    | Thừa Thiên Huế                                                                |
| Số CCCD                     | 045072000031 cấp ngày 27/8/2022- Cục QLHC và TTXH                             |
| Quốc tịch                   | Việt nam                                                                      |
| Dân tộc                     | Kinh                                                                          |
| Quê quán                    | Thừa Thiên Huế                                                                |
| Địa chỉ thường trú          | B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM |
| Chỗ ở hiện tại:             | 34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp HCM                     |
| Điện thoại liên lạc cơ quan | 0903674008                                                                    |



|                                                         |                                        |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|                                                         |                                        |
| Trình độ văn hóa                                        | 12/12                                  |
| Trình độ chuyên môn                                     | Cử nhân kinh tế                        |
| Trình độ lý luận                                        | Sơ cấp                                 |
| <b>Quá trình công tác:</b>                              |                                        |
| 1994-2006                                               | Kế toán trưởng chi nhánh Tp HCM        |
| 2006-2008                                               | Thanh viên ban KS / Kế toán chi nhánh  |
| 2008-2010                                               | Thanh viên ban KS / Giám đốc chi nhánh |
| 2010-2015                                               | Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh   |
| 2015-2018                                               | Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh     |
| Chức vụ công tác hiện nay                               | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc        |
| Hành vi vi phạm pháp luật                               | Không                                  |
| Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân                  | 625 266 cổ phiếu                       |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo | 37 631 cổ phiếu                        |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty                         | Không                                  |

• **TVHĐQT:**

|                                      |                                                                                                   |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                            | <b>Nguyễn Văn Hoàng</b>                                                                           |
| Giới tính                            | Nam                                                                                               |
| Ngày tháng năm sinh                  | 20/10/1974                                                                                        |
| Nơi sinh                             | Thanh hóa                                                                                         |
| Số CCCD                              | 038074006046 ngày cấp 10/10/2021 Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội      |
| Quốc tịch                            | Việt nam                                                                                          |
| Dân tộc                              | Kinh                                                                                              |
| Quê quán                             | Thanh hóa                                                                                         |
| Địa chỉ thường trú                   | Phòng B707, chung cư The Legend số 109 Nguyễn Tuân , Phường Nhân Chính , Quận Thanh xuân - Hà nội |
| Điện thoại liên lạc và địa chỉ Email | 0902252729_email: hoang.tenamyd@yahoo.com                                                         |
| Trình độ văn hóa                     | 12/12                                                                                             |
| Trình độ chuyên môn                  | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh                                                                       |
| Trình độ lý luận                     | Sơ cấp                                                                                            |



| <b>Quá trình công tác:</b>             |                                                                                               |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1997 - 2009                            | Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc                                           |
| 2011 - 2015                            | Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm                                                                   |
| 2015 - nay                             | Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyl – Chi nhánh Hà nội ,                        |
| 2012 - T12/2018                        | Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyl BR s r l                    |
| Từ 23/4/2018- Nay                      | Thành viên HĐQT Medipharco                                                                    |
| Chức vụ công tác hiện nay              | Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội<br>Thành viên HĐQT Medipharco |
| Hành vi vi phạm pháp luật              | Không                                                                                         |
| Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân | 1 131 196 cổ phiếu                                                                            |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty        | Không                                                                                         |

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: Không Thay đổi như sau:

| STT      | HỌ VÀ TÊN                        | Chức vụ    | Đầu năm 2025 |         | 31/12/ 2025 |         |
|----------|----------------------------------|------------|--------------|---------|-------------|---------|
|          |                                  |            | Số CP        | Tỷ lệ % | Số CP       | Tỷ lệ % |
| <b>A</b> | <b><u>Hội đồng quản trị:</u></b> |            |              |         |             |         |
| 1        | Bà: Phan Thị Minh Tâm            | Chủ tịch   | 96 505       | 1,29    | 96 505      | 1,29    |
| 2        | Hoàng Ngọc Hoài Phong            | Thành viên | 625 266      | 8,39    | 625 266     | 8,39    |
| 3        | Ông Nguyễn Văn Hoàng             | Thành viên | 1 131 196    | 15,17   | 1 131 196   | 15,17   |
| <b>B</b> | <b><u>Ban Kiểm soát:</u></b>     |            |              |         |             |         |
| 1        | Trần Thị Vân Anh                 | Trưởng Ban | 1 196        | 0 016%  | 1 196       | 0 016%  |
| 2        | Phan Thanh Hà                    | Thành viên | 0            | 0%      | 0           | 0%      |
| 3        | Trương thị Hạnh Phước            | Thành viên | 0            | 0%      | 0           | 0%      |

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi!

c. Số lượng cán bộ, nhân viên Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

❖ Tổng số lao động có đến 31/12/2025: 211 người

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**a. Các khoản đầu tư lớn:**

- ❖ Tiếp tục đầu tư Thiết bị sản xuất, Nghiên cứu, Quản lý chất lượng đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng sản phẩm sản xuất tại Doanh nghiệp theo KH 2025, góp phần nâng công suất nhà máy, giảm hư hao, Giảm chi phí, giảm giá thành bảo đảm cạnh tranh trên thị trường
- ❖ Hoàn chỉnh Đầu tư nâng cấp hệ thống phụ trợ bao gồm: Hệ thống PCCC Khu vực xưởng VCB-Kho GSP – QC và tòa nhà văn phòng; Hệ thống cung cấp nước Tinh khiết; Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy để đạt tiêu chuẩn theo quy định mới!
- ❖ Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện và quyết toán năm 2025: **7.2 tỷ đồng**
- ❖ Đã Triển khai Dự án giai đoạn 2:
  - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp lần 2 và được cấp lại
  - Lập quy hoạch rút gọn 1:500 và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án giai đoạn 2
  - Triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để Cấp Giấy phép Môi trường cho khu vực Khu CN Phú bài và các khu vực SX-KD hiện tại của Doanh nghiệp và đang chờ cấp giấy phép
- ❖ Triển khai Dự án nâng cấp Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài cho kho GSP và khu vực sản xuất thực phẩm
- ❖ Tiếp tục Nghiên cứu Dự án Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO tại tỉnh TT Huế
- ❖ Đang Hợp tác đối tác nghiên cứu Dự án Tiền khả thi đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao theo tiêu chuẩn châu Âu (GMP-EU)

**b. Các công ty con, công ty liên kết :** Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2025, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

**4. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài chính**



| Chỉ tiêu                                                                             | Năm 2024<br>ĐVN   | Năm 2025<br>ĐVN | % tăng<br>giảm/ % |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: |                   |                 |                   |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset                                                     | 627 180 073 685   | 613 826 763 444 | 98                |
| Doanh thu thuần/Net revenue                                                          | 1 286 901 650 959 | 890 044 587 906 | 69                |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/<br>Profit from operating activities               | 21 574 068 799    | 25 189 220 425  | 117               |
| Lợi nhuận khác/ Other profits                                                        | 187 919 709       | 1 122 500 304   | 597               |
| Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax                                              | 21 574 068 799    | 23 315 505 102  | 108               |
| Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax                                                 | 17 804 025 610    | 18 132 849 284  | 102               |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio                                             | 10%               | Theo ĐHĐCĐ 2026 |                   |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| Chỉ tiêu/ Benchmarks                                                                                                                                       | Năm 2024 | Năm 2025 | Ghi chú/Note |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|
| 1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio                                                                                                          |          |          |              |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn<br>(Short term Asset/Short term debt)                                           | 1,1546   | 1,178    |              |
| + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:<br><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u><br>Nợ ngắn hạn<br><u>Short term Asset - Inventories</u><br>Short term Debt | 0,969    | 0,924    |              |
| 2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio                                                                                                          |          |          |              |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)                                                                                                          | 0,82     | 0,80     |              |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)                                                                                                      | 4,66     | 4,07     |              |
| 3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio                                                                                               |          |          |              |
| + Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:                                                                                                              |          |          |              |
| <b>c. Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</b><br>(Cost of <b>goods</b> sold/Average inventory)                                                         | 11,56    | 7,36     |              |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản<br>(Net revenue/ Total Assets)                                                                                                | 2,05     | 1,45     |              |
| 4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:                                                                                                  |          |          |              |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)                                                                           | 0,0138   | 0,02     |              |

| Chỉ tiêu/ Benchmarks                                                                            | Năm 2024 | Năm 2025 | Ghi chú/Note |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)               | 0,1608   | 0,145    |              |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio) | 0,0161   | 0,028    |              |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### a. Cổ phần: Không thay đổi!

| TT | Chỉ tiêu                                                           | ĐV tính | Đầu năm 2025 | 31/12/2025 | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------|---------|--------------|------------|---------|
| 1  | Tổng số cổ phần:                                                   | Cổ phần | 7 455 406    | 7 455 406  |         |
| 2  | Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do                               | Cổ phần | 7 450 806    | 7 450 806  |         |
| 3  | Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: | Cổ phần | 4 600        | 4 600      |         |
| 4  | Cổ phiếu quỹ                                                       | Cổ phần | 4 600        | 4 600      |         |
| 5  | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm                               | Cổ phần |              |            |         |

### b. Cơ cấu cổ đông: Không thay đổi!

| TT | Chỉ tiêu                   | ĐV tính | Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2024 | Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2025 | Ghi chú |
|----|----------------------------|---------|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| 1  | Cổ đông lớn ( $\geq 5\%$ ) | %       | 57,68                       | 57,68                       |         |
| 2  | Cổ đông nhỏ ( $< 5\%$ )    | %       | 42,32                       | 42,32                       |         |
| 3  | Cổ đông tổ chức            | %       | 10,53                       | 10,53                       |         |
| 4  | Cổ đông cá nhân            | %       | 89,47                       | 89,47                       |         |
| 5  | Cổ đông trong nước         | %       | 99,92                       | 99,92                       |         |
| 6  | Cổ đông nước ngoài         | %       | 0,08                        | 0,08                        |         |
| 7  | Cổ đông Nhà nước           | %       | 0                           | 0                           |         |

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có!



**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- ❖ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4 600 cổ phiếu
- ❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

**e. Các chứng khoán khác: Không có!**

**6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- ❖ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
- ❖ Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :
  - + NPL: 404.600 kg
  - + Dịch chiết +Rượu+ cồn: 46.650 lít
  - + Nang: : 41.000.000 cái
- ❖ Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :
  - + PVC + Nhôm + màng co...: 183.000 kg
  - + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn... : 115.970.000 cái

**6.2 Tiêu thụ năng lượng:**

**a. Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp 2.302.532 KWh/ năm**

- + Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất : 2.271.000 KWh
- + Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 31.320 KWh

**b. Tiêu thụ nước:**

- ❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
  - + Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế
  - + Số lượng nước đã sử dụng: 15.046 m<sup>3</sup>/Năm
    - ✓ Tiêu thụ nước trực tiếp cho sản xuất: 14.511m<sup>3</sup>/Năm
    - ✓ Tiêu thụ nước gián tiếp (văn phòng): 535 m<sup>3</sup>/Năm
- ❖ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

**c. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!**

**d. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!**

**6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 304.698.000 đồng

**6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:**

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- ❖ Số lao động trung bình trong năm 2024: 211 người
- ❖ Mức lương và thu nhập trung bình 2024: 8,9 triệu đồng/ tháng
- b. Thực hiện đầy đủ các Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động:
  - ❖ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 3100 giờ/năm
  - ❖ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp
  - ❖ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp

#### 6.6/ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- ❖ Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương thủy theo phân công của UBND tỉnh; Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A lưới – TT Huế
- Ủng hộ chương trình Xóa nhà tạm : 10.000.000 VNĐ
- Ủng hộ hội nghị khoa bảng & phẫu thuật : 50.000.000.VNĐ
- Mảnh ghép yêu thương ( hội chữ thập đỏ) : 40.000.000 VNĐ
- Hội miễn dịch yêu thương ung thư : 10.000.000 VNĐ
- Ủng hộ đồng bào thiên tai tại Phú Yên : 50.000.000 VNĐ
- Ủng hộ lũ lụt tại phường Hóa châu : 50.000.000 VNĐ
- ❖ Giá trị: 210 Triệu đồng

#### 6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

### **III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **a) Tình hình thực hiện so với kế hoạch :**

| TT | Chỉ tiêu             | ĐV      | TH 2024   | KH năm 2025 | TH năm 2025 | Tỷ lệ % TH/KH |
|----|----------------------|---------|-----------|-------------|-------------|---------------|
| 1  | Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.245,795 | 990         | 890         | 90            |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 21,574    | 24,174      | 23,315      | 96            |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 17,804    | 17,840      | 18,132      | 101           |

##### **b) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- ❖ Hoạt động sản xuất: Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 48 triệu SPQĐ –đạt 111%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 320 tỷ đồng



đạt tỷ lệ 110%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2025 đến 2030 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;

❖ Về tình hình kinh doanh:

- Năm 2025 MPC đã cơ cấu lại doanh thu các nhóm hàng kinh doanh theo hướng giảm bớt doanh thu nhóm hàng thành phẩm nhập khẩu, kinh doanh nội địa, mở rộng phát triển doanh thu hàng sản xuất tại doanh nghiệp đạt 400 tỷ /890 tỷ tổng doanh thu → nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn so với kế hoạch và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC (hiện đạt 45%)
- MPC tiếp tục tham dự và trúng thầu các gói thầu quốc gia
- Thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì, mở rộng, phát triển ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu vượt mốc trên 2 triệu USD, tạo nguồn ngoại tệ dự trữ phục vụ Nhập khẩu

❖ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng.

❖ Công tác quản lý kinh tế - tài chính ngày càng được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chỉ tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả

❖ *Kết quả Sản xuất Kinh doanh:*

- *Lợi nhuận trước thuế thực hiện 23.315.505.102 đồng – đạt 96% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua*
- *Lợi nhuận sau thuế: 18.132.849.284 đồng – đạt 101%% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua*

a) **Tình hình tài chính:** Tình hình tài sản:

| Thời gian   | Tổng tài sản<br>VNĐ | Tài sản ngắn hạn<br>VNĐ | Tài sản dài hạn<br>VNĐ |
|-------------|---------------------|-------------------------|------------------------|
| Số đầu năm  | 627 180 073 685     | 587 813 906 810         | 39 366 166 875         |
| Số cuối năm | 613 826 763 444     | 572 386 610 782         | 41 440 152 662         |

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2025) là 322 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn chưa đòi 27 tỷ đồng chiếm 8.3% Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 27 tỷ đồng

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Tại thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn là 485 tỷ đ; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn

| Thời gian   | Nợ ngắn hạn<br>VNĐ | Phải trả người bán<br>VNĐ | Vay Ngân hàng<br>VNĐ |
|-------------|--------------------|---------------------------|----------------------|
| Số đầu năm  | 505 917 734 333    | 126 314 563 688           | 359 726 313 912      |
| Số cuối năm | 485 877 579 139    | 94 227 216 600            | 370 850 552 969      |

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể

## 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Tiếp tục Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả ... của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Tiếp tục Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Quảng cáo & Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới ....
- ❖ Mở rộng nuôi trồng- Chế biến- Tạo thêm sản phẩm đi từ nguồn gốc Thảo dược với mô hình Trại dược liệu gắn với hoạt động sản xuất- Kinh doanh của DN
- ❖ Quản trị Tài chính: Tăng cường các giải pháp quản lý Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ ký lai với các ngân hàng thương mại; Thực hiện báo cáo đánh giá quản trị nội bộ hàng quý/năm để kịp thời có các giải pháp xử lý bất cập phát sinh...

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 5 ( 2025-2030) đã thông qua

### 1/ Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026:

| TT | Chỉ tiêu         | ĐV         | TH năm 2025 | Dự kiến KH năm 2026 | % KH 2026/TH 2025 | %KH 2026/KH2025             |
|----|------------------|------------|-------------|---------------------|-------------------|-----------------------------|
| 1  | Sản xuất:        |            |             |                     |                   |                             |
| a  | Sản phẩm quy đổi | Triệu SPQĐ | 48          | 45                  |                   | KH 2026/nhiệm kì 5 là 44 tr |
| b  | Doanh thu SX     | Tỷ đồng    | 400         | 400                 | 100%              | 108%                        |



| TT | Chỉ tiêu                                                                | ĐV   | TH năm 2025                    | Dự kiến KH năm 2026       | % KH 2026/TH 2025 | %KH 2026/KH2025 |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|
| 2  | Tổng doanh thu thuần                                                    | Tỷ đ | 890                            | 990                       | 112%              | 100%            |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế                                                    | Tỷ đ | 23,3                           | 23.3                      | 100%              | 100%            |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế:                                                     | Tỷ đ | 18,132                         | 18.573                    | 102%              | 104%            |
| 5  | Tỷ lệ cổ tức (%)                                                        | Tỷ đ | Dự kiến 10% (ĐHĐCĐ biểu quyết) | Dự kiến 10% (Theo KH NK5) | 100%              | 100%            |
| 6  | Trích các quỹ                                                           | Tỷ đ | (ĐHĐCĐ biểu quyết)             |                           |                   |                 |
| 7  | Vốn điều lệ                                                             | Tỷ đ | 74,554                         | 74,554                    | 74,554            | 100%            |
| 8  | Đầu tư phát triển                                                       | Tỷ đ | 7.2                            | 20.94                     |                   |                 |
| a  | KH đầu tư 2025 chuyển tiếp 2026                                         | Tỷ đ |                                | 6.45                      |                   |                 |
| b  | KH đầu tư 2026                                                          | Tỷ đ |                                | 14.49                     |                   |                 |
| c  | Hoàn thành Dự án Đầu tư Xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP | Tỷ đ |                                | 40                        |                   |                 |

## 2/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2026:

### a) Tổ chức – Lao động:

Tập trung tuyển dụng , đào tạo nhân lực nghiên cứu , sản xuất , quản lí chất lượng để đáp ứng công tác Sản xuất , phát triển sản phẩm mới và đáp ứng nhân lực quản lí , triển khai và vận hành các Dự án đầu tư

### b) Tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới, giảm Giá thành , Giá bán nhóm hàng sản xuất để đủ sức cạnh tranh trên thị trường ( OTC/ETC) với các giải pháp đồng bộ:

- ❖ Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ, quy cách đóng gói , nâng cao chất lượng sản phẩm; Khai thác công suất tối đa từ thiết bị sản xuất , đóng gói đã được đầu tư , đào tạo nâng cao tay nghề nhằm tăng năng suất lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành sản phẩm
- ❖ Tiếp tục phương án Cơ cấu lại hệ thống Kinh doanh,ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất tại Doanh nghiệp qua các nhà phân phối chuyên nghiệp
- ❖ Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm, đăng ký các sản phẩm mới làm phong phú danh mục hàng Sản xuất, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp

### c) Tập trung ổn định và Mở rộng thị trường Xuất khẩu tại Myanmar, các nước Tây á thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cấp update tiêu chuẩn GMP



gồm cơ sở Nhà máy- Hồ sơ - Quản lý chất lượng - Nhân sự để sẵn sàng cho việc Thanh tra cấp số đăng ký thuốc xuất khẩu của các cơ quan quản lý dược nước ngoài

d) Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới :

- ❖ Tiếp tục Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ; Thực hiện chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ theo hướng:
  - Bước đầu Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền.
  - Chiến lược phát triển Thuốc có công nghệ bào chế mới, thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh
  - Duy trì số ĐKT của sản phẩm có sản lượng, Doanh thu, lợi nhuận để ổn định việc làm, thu nhập của người lao động và chi phí sản xuất
- ❖ Tiếp tục hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm đáp ứng thị trường ( OTC/ETC) và xuất khẩu
- ❖ Xây dựng Hồ sơ Đăng ký thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
- ❖ KH sản phẩm mới 2026: 37 sản phẩm – Trong đó:
  - SDK thuốc được cấp trong nước: 29 SP
  - SDK thuốc được nước ngoài cấp: 8 SP

e) Hệ thống quản lý chất lượng:

- ❖ Kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng theo các chuẩn mực GPs update nhằm bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu vào – đầu ra của sản phẩm sản xuất –kinh doanh. Thực hiện các văn bản của Cục QLD-BYT v/v tăng cường tuân thủ GMP và QLCL
- ❖ Hoàn chỉnh hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận môi trường cho các Nhà máy sản xuất , Kho bảo quản thuốc của doanh nghiệp
- ❖ Duy trì để tái cấp các Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất- Kinh doanh- Xuất nhập khẩu của Bộ y tế- Sở y tế và Sở Ban Ngành liên quan Chuẩn bị cho công tác tái kiểm tra GMP, GSP vào Quý 4/2026
- ❖ Sẵn sàng cơ sở vật chất, Hồ sơ quản lý, Nhân sự cho việc Thanh tra cấp số đăng ký thuốc xuất khẩu của các cơ quan quản lý dược nước ngoài
- ❖ Triển khai áp dụng các quy định ( Luật, Nghị định, Thông tư, Quy định ...) mới theo Luật Dược ban hành từ 2025

f) Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần
- ❖ Xây dựng giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD và đầu tư phát triển; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- ❖ Kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định
- ❖ Kí kết hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và đầu tư phát triển năm 2025
- ❖ Phấn đấu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2026 để bảo đảm cổ tức và bổ sung quỹ phát triển sản xuất
- ❖ Lập phương án khả thi về nguồn vốn để hợp tác đầu tư các Dự án trọng điểm



- g) Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương
- h) Thực hiện các báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty lưu ký chứng khoán; Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
- i) Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2026 và Mục tiêu, định hướng phát triển, Chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026

**4. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán so với năm trước theo quy định của Chứng khoán: Không có**

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải:** Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương Mở rộng sản xuất để thu hút thêm lao động trên đại bàn TT Huế

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

- ❖ Hội đồng quản trị đã giám sát cùng với Tổng giám đốc, các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- ❖ Đặc biệt, năm 2025 đã nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 48 triệu SPQĐ – đạt 111 %/kế hoạch – Gấp 3 lần giai đoạn năm 2015-2020, với giá trị sản lượng 320 tỷ đồng đạt tỷ lệ 110%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2025 đến 2030 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ❖ Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:**

- b. Tổng giám đốc ( TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- c. Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều



lệ và pháp luật hiện hành; Có các biện pháp Quản lý chặt chẽ Công nợ và thực hiện cơ bản đạt các chỉ số, điều kiện của các hợp đồng tín dụng đã kí kết với các Ngân hàng thương mại năm 2025

- d. Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2025 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn đúng tiến độ Phối hợp Chủ tịch Công đoàn Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm 2026 theo đúng quy định hiện hành
- e. Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026:

- a. Tiếp tục thực hiện các Mục tiêu – định hướng phát triển – Chỉ tiêu kế hoạch thông thể nhiệm kì 5 ( 2025-2030) đã được ĐHCĐTN 2025 thông qua
- b. Đáp ứng ứng Mục tiêu chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam đề ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lí và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân
- c. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Doanh nghiệp.: Xây dựng , củng cố và phát triển Thương hiệu “ MEDIPHARCO” ; Phát triển sản xuất Thuốc, khai thác tối đa công suất Nhà máy, thiết bị góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng; Tuân thủ các giải pháp bảo vệ Môi trường
- d. Phương hướng phát triển năm 2026: Tiếp tục:
  - Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm theo hướng tiếp cận từng bước Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền, phát triển nhóm thuốc công nghệ mới, thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh.... phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của doanh nghiệp cũng như đáp ứng Danh mục sản phẩm cho các Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy công nghệ cao - tiêu chuẩn EU trong tương lai.
  - Nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ;
  - Tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN , đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lý điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư của doanh nghiệp.



- Tiếp tục Mở rộng hợp tác nghiên cứu- Sản xuất- Kinh doanh toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước! Xây dựng chiến lược đẩy mạnh kinh doanh nhóm sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp
- Tiếp tục Xúc tiến thương mại , Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á... ; Phát triển đăng kí lưu hành thuốc nước ngoài; Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu
- Tiếp tục các giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Quản trị dòng tiền có hiệu quả để giảm công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- Áp dụng, triển khai thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong doanh nghiệp
- Phương hướng Đầu tư phát triển doanh nghiệp:
  - Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP
  - Nghiên cứu báo cáo khả thi , tìm đối tác trong và ngoài nước và xác định hình thức hợp tác góp vốn, xây dựng phương án tối ưu để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU
  - Tiếp tục nghiên cứu Dự án đầu tư Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO.

e. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 dự kiến:

| TT | Chỉ tiêu             | ĐV       | KH 2025 | TH 2025 | KH 2026         | % TH/KH 2025 | % Kh2026/TH2025 |
|----|----------------------|----------|---------|---------|-----------------|--------------|-----------------|
|    |                      |          |         |         | Trình ĐHCĐ 2026 |              |                 |
| 1  | Sản phẩm quy đổi     | Triệu SP | 43      | 48.5    | 45              | 112          | 93              |
| 2  | Doanh thu SX         | Tỷ đồng  | 290     | 400     | 400             | 137          | 100             |
| 3  | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng  | 990     | 890     | 990             | 90           | 111             |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng  | 24.17   | 23.31   | 23.31           | 96           | 100             |
| 5  | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng  | 17.84   | 18.132  | 18.5            | 101          | 102             |
| 6  | Tỷ lệ cổ tức (%)     | %        | 10%     |         | 10%             | 100          | 100             |

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



- ❖ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2025: Không thay đổi! Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

| STT | HỌ VÀ TÊN                  | CHỨC VỤ                                                | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | Bà: Phan Thị Minh Tâm      | Chủ tịch Hội đồng quản trị                             | 1,29                                     | Không                                 |
| 2   | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT –Tổng giám đốc                         | 8,39                                     | Không                                 |
| 5   | Ông Nguyễn Văn Hoàng       | Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp) | 15,17                                    | Không                                 |

- ❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK5 ngày 19/4/2025

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- ❖ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần

❖ **Cụ thể: Đã Ban hành 23 Nghị quyết về:**

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định              | Ngày       | Nội dung                                                                                                              | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| B1  | BB&NQ THUỘC NHIỆM KÌ 4 ( 1/1 ĐẾN 21/4/25) |            |                                                                                                                       |                 |
| 1   | Số 01/2025/NQ/HĐQT-NK4                    | 02/01/25   | • HĐQT phê duyệt thay đổi giấy tờ pháp lý do thành lập TP Huế trực thuộc TW                                           | 100%            |
| 2   | Số 02/2025/ BB-HĐQT-NK4                   | 22/03/2025 | • HĐQT thống nhất Phê duyệt hệ thống camera giám sát                                                                  | 100%            |
| 3   | Số 03/2025/BB_HĐQT                        | 1/3/2025   | • Thông qua Báo cáo QTNB, Kết quả Báo cáo kiểm toán , Báo cáo Thường niên 2024 và Kế hoạch Tổ chức Đại hội ĐCĐTN 2025 | 100%            |
| 4   | Số 04/2025/NQ/HĐQT                        | 14/04/2025 | • PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ NHẬN BÀN GIAO VÀ THAY THẾ DS TRẦN DUY MINH NGHỈ CÔNG TÁC                                          | 100%            |

| <i>Stt</i> | <i>Số Nghị quyết/<br/>Quyết định</i> | <i>Ngày</i>     | <i>Nội dung</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <i>Tỷ lệ<br/>thông<br/>qua</i> |
|------------|--------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|            |                                      |                 | •                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                |
| 5          | Số<br>05/2025/NQ/HĐQT                | 16/04/2025      | • Phê duyệt kế hoạch & hình thức<br>đấu thầu mua sắm theo KH đầu tư<br>2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                           |
| B2         | Từ NK5 ( Từ<br>21/4/25):             |                 | •                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                |
| 6          | 01/2025/NQ/HĐQT                      | 21/4/25         | • Nghị quyết bầu CTHĐQT- TGD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100%                           |
| 7          | 02/2025/NQ/HĐQT                      |                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thống nhất chỉ định Thư kí và<br/>Người quản trị nội bộ HĐQT- NK5</li> <li>• Phân công các thành viên HĐQT<br/>đặc trách theo dõi các hoạt động<br/>điều hành chính của HĐQT -<br/>nhiệm kì 5</li> <li>• thống nhất bộ máy tổ chức điều<br/>hành hoạt động công ty và bổ<br/>nhiệm các chức danh Cán bộ quản<br/>lí của công ty nhiệm kì 5</li> <li>• Phân công nhiệm vụ của người đại<br/>diện theo pháp luật của công ty<br/>giữa CTHĐQT và Tổng giám đốc</li> <li>• thống nhất kế hoạch trọng tâm của<br/>HĐQT Quý 2/2025</li> <li>• KH chi trả cổ tức 2024</li> </ul> | 100%                           |
| 8          | QĐ<br>03/2025/NQ/HĐQT                | ngày 24/04/2025 | • Khen thưởng HĐQT- Ban KS- Cán<br>bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100%                           |
| 9          | 04/2025/NQ/HĐQT                      | Ngày 28/4/25    | • Nghị quyết HĐQT v/v Bổ sung<br>ngân hàng ACB- CN Huế. Giao<br>dịch tín dụng năm 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%                           |
| 10         | 05/2025/NQ/HĐQT                      | Ngày 3/6/25     | • Phê duyệt chủ trương đầu tư<br>phương tiện vận chuyển ( Ô tô)<br>phục vụ Sản xuất kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 100%                           |
| 11         | 06/2025/NQ/HĐQT                      | Ngày<br>23/6/25 | • Phê duyệt chọn đơn vị tư vấn<br>TKKT-DT của Dự án Nhà máy<br>Đồng được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                           |
| 12         | 07/2025/NQ/HĐQT                      | Ngày<br>9/7/25  | • Phê duyệt Tự nguyện trả lại đất lô<br>đất số CY 875450 tại Phường Phú<br>bài – Thành phố Huế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 100%                           |



| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày             | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                              | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 13  | 08/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>10/7/25  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Về Việc chia tách "Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Dược - Mỹ phẩm - Thực phẩm ; Kho bảo quản Thuốc "</li> </ul>                                                                                                         | 100%                  |
| 14  | 09/2025/NQ/HĐQT              | Ngày 4/8/25      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt Bổ sung Đầu tư hệ thống Phòng cháy chữa cháy</li> </ul>                                                                                                                                                              | 100%                  |
| 15  | 10/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>25/8/25  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Về thông qua triển khai kế hoạch kinh doanh hằng năm, đầu tư tài sản cố định năm 2025 và việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</li> <li>– Chi nhánh Huế</li> </ul>                                             | 100%                  |
| 16  | 11/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>11/9/25  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt v/v vay vốn, bảo lãnh, mở tín dụng thư, chiết khấu và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank</li> </ul>                                                                                                                 | 100%                  |
| 17  | 12/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>22/9/25  | <ul style="list-style-type: none"> <li>V/V Thống nhất chủ trương tiếp tục Nghiên cứu Dự án Tiền khả thi/Khả thi đầu tư nhà máy SX Thuốc non Betalactam công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU</li> <li>tại Khu CN Phú Bài</li> </ul>                                    | 100%                  |
| 18  | 13/2025/NQ/HĐQT              | 24/9/25          | <ul style="list-style-type: none"> <li>QĐ thành lập Ban QLDA lâm thời nghiên cứu Dự án Tiền khả thi/Khả thi đầu tư nhà máy SX Thuốc non Betalactam công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU</li> </ul>                                                                    | 100%                  |
| 19  | 14/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>3/11/25  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt chủ trương đầu tư phương tiện vận chuyển ( Xe điện nâng hàng) phục vụ Sản xuất kinh doanh</li> </ul>                                                                                                                 | 100%                  |
| 20  | 15/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>18/11/25 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo Quản trị nội bộ về ước thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2025 của Medipharco</li> <li>Thông qua Mục tiêu- Phương hướng - Chỉ tiêu kế hoạch tổng thể năm 2026</li> <li>Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026</li> </ul> | 100%                  |
| 21  | 16/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>20/11/25 | <ul style="list-style-type: none"> <li>HĐQT thống nhất Tờ trình của Trưởng Ban kiểm soát v/v đề xuất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025</li> </ul>                                                                                                      | 100%                  |



| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 22  | 17/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>1/12/25    | <ul style="list-style-type: none"> <li>V/v vay vốn, phát hành bảo lãnh, mở LC, phát hành xác nhận cung cấp tín dụng, thủ tục bảo hiểm, thế chấp và cầm cố tài sản tại</li> <li>Ngân hàng TMCP Quân đội – Huế</li> </ul> | 100%                  |
| 23  | 18/2025/NQ/HĐQT              | Ngày<br>12/12/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt kế hoạch tổng thể và chi tiết năm 2026</li> </ul>                                                                                                                      | 100%                  |

❖ **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:**

- ✓ Giám sát Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua
  - ✓ Giám sát thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành
  - ✓ Giám sát và phê duyệt, thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty Công tác Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Giám sát và phê duyệt phương án đầu tư ... cho phù hợp với tình hình SX-KD của doanh nghiệp
  - ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 ;Giám sát thực hiện tất cả các hoạt động quản lý điều hành khác của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ , Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT& Ban KS .
  - ✓ Giám sát việc thực hiện Quy chế Dân chủ, Quy chế phối hợp giữa Tổng giám đốc với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp đã xây dựng theo đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính, Quy chế khen thưởng, kỉ luật... để bảo vệ lợi ích chính đáng , hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
  - ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành
  - ✓ HĐQT quản lý- giám sát công tác Tài chính: theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần
- ❖ HĐQT quản lý- giám sát Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX thông qua Giám sát hoạt động Quản lý của TGD và KTT



❖ Giám sát việc thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2024 bằng tiền sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025 biểu quyết thông qua đúng quy định
  - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo Online về quản trị công ty ( của VCCI tổ chức): Tham gia đầy đủ các Hội nghị triển khai hướng dẫn, quy định và chương trình đào tạo các nội dung liên quan của UBCKNN và HNX tổ chức

**2. Ban Kiểm soát:**

## a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 30/12/2025:

| Stt | Thành viên BKS           | Chức vụ       | Trình độ chuyên môn      | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|--------------------------|---------------|--------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Vân Anh      | Trưởng Ban KS | Cử nhân kinh tế- Kế toán | 1, 059%                                  |
| 2   | Ông Phan Thanh Hà        | TV            | Dược sỹ đại học          | 0%                                       |
| 3   | Bà Trương Thị Hạnh Phước | TV            | Dược sỹ đại học          | 0%                                       |

## b) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

- ❖ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty
- ❖ Ban kiểm soát đã giám sát các hoạt động của doanh nghiệp theo đúng Điều lệ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý
- ❖ Tham dự các phiên họp HĐQT mời để nắm các Nghị quyết đã ban hành và thực hiện của HĐQT
- ❖ Giám sát thực hiện kế hoạch SX-KD và đánh giá hiệu quả của HĐQT-TGĐ thông qua các báo cáo sơ kết Quý/6 tháng/Năm

- ❖ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025
- ❖ Cuộc họp của BKS:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Vân Anh              | 02                  | 100%              | 100%             |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Phương Trâm        | 02                  | 100%              | 100%             |
| 3   | Bà Trương Thị Hạnh Phước         | 02                  | 100%              | 100%             |

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- ❖ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

*DVT: triệu đồng VN*

| STT | Thành viên HĐQT, BKS       | Chức danh                       | Thù lao<br>(Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN | Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có<br>(Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN |
|-----|----------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bà Phan Thị Minh Tâm       | Chủ tịch HĐQT                   | 120                                      | 100                                                                            |
| 2   | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc | 72                                       | 120                                                                            |
| 5   | Nguyễn Văn Hoàng           | Thành viên HĐQT                 | 72                                       | 50                                                                             |
| 6   | Bà Trần Thị Vân Anh        | Trưởng BKS                      | 48                                       | 10                                                                             |
| 7   | Bà Nguyễn Thị Phương Trâm  | Thành viên BKS                  | 10                                       | 5                                                                              |
| 8   | Bà Trương Thị Hạnh Phước   | Thành viên BKS                  | 24                                       | 6                                                                              |
| 9   | Phan Thanh Hà              | Thành viên BKS                  | 14                                       |                                                                                |
|     | <b>Cộng</b>                |                                 | 360                                      | 291                                                                            |

- ❖ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2025: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 1.106 triệu đồng, đã bao gồm lợi ích khác
- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT: Không thay đổi!



| STT | HỌ VÀ TÊN                  | Chức vụ                         | Đầu năm 2024 |         | Cuối năm 31/12/2024 |         |
|-----|----------------------------|---------------------------------|--------------|---------|---------------------|---------|
|     |                            |                                 | Số CP        | Tỷ lệ % |                     | Tỷ lệ % |
| 1   | Bà: Phan Thị Minh Tâm      | Chủ tịch                        | 96 505       | 1,29    | 96 505              | 1,29    |
| 2   | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc | 625 266      | 8,39    | 625 266             | 8,39    |
| 3   | Nguyễn Văn Hoàng           | Thành viên                      | 1 131 196    | 15,17   | 1 131 196           | 15,17   |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Đến thời điểm 31/12/2025: Không có!

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có!

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- ❖ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung, Trình tự hiện hành
- ❖ **Nội dung chưa triển khai gồm: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít (3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên

## VI. Báo cáo tài chính:

1) **Ý kiến kiểm toán:** Chấp thuận báo cáo tài chính năm 2025 của Doanh nghiệp

2) **BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

a. **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2025:**

ĐV: VNĐ

| CHỈ TIÊU |                                                             | Mã số | Năm 2024          | Năm 2025        |
|----------|-------------------------------------------------------------|-------|-------------------|-----------------|
| 1        | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                      | 1     | 1 292 137 968 299 | 896 932 144 316 |
| 2        | Các khoản giảm trừ doanh thu                                | 2     | 5 236 317 340     | 6 887 556 410   |
| 3        | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) | 10    | 1 286 901 650 959 | 890 044 587 906 |
| 4        | Giá vốn hàng bán                                            | 11    | 1 185 416 737 048 | 802 210 058 426 |
| 5        | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)  | 20    | 101 484 913 911   | 87 834 529 480  |

|    | <b>CHỈ TIÊU</b>                                                             | <b>Mã số</b> | <b>Năm 2024</b> | <b>Năm 2025</b> |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-----------------|
| 6  | Doanh thu hoạt động tài chính                                               | 21           | 3 081 118 527   | 2 616 752 440   |
| 7  | Chi phí tài chính                                                           | 22           | 25 254 890 510  | 22 915 130 060  |
|    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                 | 23           | 24 637 964 982  | 22 821 369 219  |
| 8  | Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                              | 24           |                 |                 |
| 9  | Chi phí bán hàng                                                            | 25           | 25 343 667 115  | 17 010 251 657  |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                | 26           | 32 581 325 723  | 25 336 679 778  |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br>{30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24} | 30           | 21 386 149 090  | 25 189 220 425  |
| 12 | Thu nhập khác                                                               | 31           | 316 710 496     | 1 122 500 304   |
| 13 | Chi phí khác                                                                | 32           | 128 790 787     | 2 996 215 627   |
| 14 | Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                               | 40           | 187 919 709     | -1 873 715 323  |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                            | 50           | 21 574 068 799  | 23 315 505 102  |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành                                                 | 51           | 3 770 043 189   | 5 182 655 818   |
| 17 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                                  | 52           |                 |                 |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)                  | 60           | 17 804 025 610  | 18 132 849 284  |

**a. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2025):**



| <i>TT</i>  | <i>TÀI SẢN</i>                                          | <i>Mã số</i> | <i>31/12/2024</i> | <i>31/12/2025</i> |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------|-------------------|-------------------|
| <b>A</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                 | <b>100</b>   | 587 813 906 810   | 572 386 610 782   |
| <i>I</i>   | <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>               | <i>110</i>   | 18 218 584 195    | 72 746 418 964    |
| <i>1</i>   | <i>Tiền</i>                                             | <i>111</i>   | 18 218 584 195    | 72 746 418 964    |
| <i>2</i>   | <i>Các khoản tương đương tiền</i>                       | <i>112</i>   | -                 | 2 000 000 000     |
| <i>II</i>  | <i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>              | <i>120</i>   | 45 400 000 000    | 42 565 450 000    |
| <i>1</i>   | <i>Chứng khoán kinh doanh</i>                           | <i>121</i>   |                   |                   |
| <i>2</i>   | <i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>         | <i>122</i>   |                   |                   |
| <i>3</i>   | <i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>                  | <i>123</i>   | 45 400 000 000    | 42 565 450 000    |
| <b>III</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                      | <b>130</b>   | 419 024 229 977   | 317 146 277 330   |
| <i>1</i>   | <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>                 | <i>131</i>   | 417 735 178 962   | 322 721 220 455   |
| <i>2</i>   | <i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>                 | <i>132</i>   | 20 325 566 738    | 20 428 590 311    |
| <i>3</i>   | <i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i>                         | <i>133</i>   |                   |                   |
| <i>4</i>   | <i>Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</i> | <i>134</i>   |                   |                   |
| <i>5</i>   | <i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>                     | <i>135</i>   |                   |                   |
| <i>6</i>   | <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>                           | <i>136</i>   | 1 874 489 716     | 1 031 221 701     |
| <i>7</i>   | <i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>               | <i>137</i>   | (20 911 005 439)  | (27 034 755 137)  |
| <i>8</i>   | <i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>                          | <i>139</i>   |                   |                   |
| <b>IV</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                                     | <b>140</b>   | 94 487 796 273    | 123 381 671 593   |
| <i>1</i>   | <i>Hàng tồn kho</i>                                     | <i>141</i>   | 102 502 721 760   | 129 179 857 639   |
| <i>2</i>   | <i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>                   | <i>149</i>   | (8 014 925 487)   | (5 798 186 046)   |
| <b>V</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                            | <b>150</b>   | 10 683 296 365    | 14 546 792 895    |
| <i>1</i>   | <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>                       | <i>151</i>   | 638 179 656       | 1 324 557 284     |
| <i>2</i>   | <i>Thuế GTGT được khấu trừ</i>                          | <i>152</i>   | 9 567 301 840     | 12 751 788 971    |
| <i>3</i>   | <i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>         | <i>153</i>   | 477 814 869       | 470 446 640       |
| <i>4</i>   | <i>Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ</i>       | <i>154</i>   |                   |                   |
| <i>5</i>   | <i>Tài sản ngắn hạn khác</i>                            | <i>155</i>   |                   |                   |
| <b>B</b>   | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                  | <b>200</b>   | 39 366 166 875    | 41 440 152 662    |
| <i>I</i>   | <i>Các khoản phải thu dài hạn</i>                       | <i>210</i>   |                   |                   |
| <i>1</i>   | <i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>                  | <i>211</i>   |                   |                   |
| <i>2</i>   | <i>Trả trước cho người bán dài hạn</i>                  | <i>212</i>   |                   |                   |
| <i>3</i>   | <i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i>               | <i>213</i>   |                   |                   |
| <i>4</i>   | <i>Phải thu nội bộ dài hạn</i>                          | <i>214</i>   |                   |                   |
| <i>5</i>   | <i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>                      | <i>215</i>   |                   |                   |



|            |                                                  |              |                        |                        |
|------------|--------------------------------------------------|--------------|------------------------|------------------------|
| 6          | Phải thu dài hạn khác                            | 216          |                        |                        |
| 7          | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                | 219          |                        |                        |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản cố định</b>                           | <b>220</b>   | <b>35 715 820 649</b>  | <b>33 291 332 365</b>  |
| 1          | Tài sản cố định hữu hình                         | 221          | 35 715 820 649         | 33 291 332 365         |
|            | - Nguyên giá                                     | 222          | 114 471 193 018        | 121 690 480 442        |
|            | - Giá trị hao mòn lũy kế                         | 223          | (78 755 372 369)       | (88 399 148 077)       |
| 2          | Tài sản cố định thuê tài chính                   | 224          |                        |                        |
|            | - Nguyên giá                                     | 225          |                        |                        |
|            | - Giá trị hao mòn lũy kế                         | 226          |                        |                        |
| 3          | Tài sản cố định vô hình                          | 227          |                        |                        |
|            | - Nguyên giá                                     | 228          |                        |                        |
|            | - Giá trị hao mòn lũy kế                         | 229          |                        |                        |
| <b>III</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>                       | <b>230</b>   |                        |                        |
|            | - Nguyên giá                                     | 231          |                        |                        |
|            | - Giá trị hao mòn lũy kế                         | 232          |                        |                        |
| <b>IV</b>  | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                   | <b>240</b>   |                        | <b>6 611 819 968</b>   |
| 1          | Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn             | 241          |                        |                        |
| 2          | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                  | 242          |                        | 6 611 819 968          |
| <b>V</b>   | <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>        | <b>250</b>   |                        |                        |
| 1          | Đầu tư vào công ty con                           | 251          |                        |                        |
| 2          | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết          | 252          |                        |                        |
| 3          | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                   | 253          |                        |                        |
| 4          | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                | 254          |                        |                        |
| 5          | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 255          |                        |                        |
| <b>VI</b>  | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                      | <b>260</b>   | <b>3 650 346 226</b>   | <b>1 537 000 329</b>   |
| 1          | Chi phí trả trước dài hạn                        | 261          | 3 650 346 226          | 1 537 000 329          |
| 2          | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                   | 262          |                        |                        |
| 3          | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn      | 263          |                        |                        |
| 4          | Tài sản dài hạn khác                             | 268          |                        |                        |
|            | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                         | <b>270</b>   | <b>627 180 073 685</b> | <b>613 826 763 444</b> |
|            | <b>NGUỒN VỐN</b>                                 | <b>Mã số</b> |                        |                        |
| <b>C</b>   | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b>   | <b>516 440 749 486</b> | <b>492 939 515 961</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b>   | <b>509 087 334 333</b> | <b>485 877 579 139</b> |
| 1          | Phải trả cho người bán ngắn hạn                  | 311          | 126 314 563 688        | 94 227 216 600         |
| 2          | Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312          | 3 640 925 662          | 6 496 928 344          |
| 3          | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313          | 412 766 993            | 673 759 083            |
| 4          | Phải trả người lao động                          | 314          | 6 979 706 411          | 5 119 315 536          |
| 5          | Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315          | 887 692 721            | 808 143 143            |
| 6          | Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316          |                        |                        |
| 7          | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317          |                        |                        |



|           |                                               |            |                        |                        |
|-----------|-----------------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| 8         | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn             | 318        |                        |                        |
| 9         | Phải trả ngắn hạn khác                        | 319        | 7 527 126 450          | 7 701 663 464          |
| 0         | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn             | 320        | 359 726 313 912        | 370 850 552 969        |
| 1         | Dự phòng phải trả ngắn hạn                    | 321        |                        |                        |
| 2         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                     | 322        | 428 638 496            |                        |
| 3         | Quỹ bình ổn giá                               | 323        |                        |                        |
| 4         | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ    | 324        |                        |                        |
| <b>II</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                             | <b>330</b> | <b>7 353 415 153</b>   | <b>7 061 936 822</b>   |
| 1         | Phải trả người bán dài hạn                    | 331        |                        |                        |
| 2         | Người mua trả tiền trước dài hạn              | 332        |                        |                        |
| 3         | Chi phí phải trả dài hạn                      | 333        |                        |                        |
| 4         | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh             | 334        |                        |                        |
| 5         | Phải trả nội bộ dài hạn                       | 335        |                        |                        |
| 6         | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn              | 336        |                        |                        |
| 7         | Phải trả dài hạn khác                         | 337        |                        |                        |
| 8         | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn              | 338        | 7 353 415 153          | 7 061 936 822          |
| 9         | Trái phiếu chuyển đổi                         | 339        |                        |                        |
| 10        | Cổ phiếu ưu đãi                               | 340        |                        |                        |
| 11        | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả               | 341        |                        |                        |
| 12        | Dự phòng phải trả dài hạn                     | 342        |                        |                        |
| 13        | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ          | 343        |                        |                        |
| <b>D</b>  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                         | <b>400</b> | <b>110 739 324 199</b> | <b>120 887 247 483</b> |
| <b>I</b>  | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                         | <b>410</b> | <b>110 739 324 199</b> | <b>120 887 247 483</b> |
| 1         | Vốn góp của chủ sở hữu                        | 411        | 74 554 060 000         | 74 554 060 000         |
|           | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết      | 411a       | 74 554 060 000         | 74 554 060 000         |
|           | - Cổ phiếu ưu đãi                             | 411b       |                        |                        |
| 2         | Thặng dư vốn cổ phần                          | 412        | 4 000 000              | 4 000 000              |
| 3         | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu              | 413        |                        |                        |
| 4         | Vốn khác của chủ sở hữu                       | 414        | 1 477 728 123          | 1 477 728 123          |
| 5         | Cổ phiếu quỹ                                  | 415        | (92 000 000)           | (92 000 000)           |
| 6         | Chênh lệch đánh giá lại tài sản               | 416        |                        |                        |
| 7         | Chênh lệch tỷ giá hối đoái                    | 417        |                        |                        |
| 8         | Quỹ đầu tư phát triển                         | 418        | 10 202 878 043         | 20 021 952 043         |
| 9         | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp               | 419        |                        |                        |
| 0         | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                 | 420        | 6 358 309 755          | 6 358 309 755          |
| 1         | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối             | 421        | 18 234 348 278         | 18 563 197 562         |
|           | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       | 430 322 668            | 430 348 278            |
|           | LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       | 17 804 025 610         | 18 132 849 284         |
| 2         | Nguồn vốn đầu tư XD CB                        | 422        |                        |                        |
| <b>II</b> | <b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>               | <b>430</b> |                        |                        |
| 1         | Nguồn kinh phí                                | 431        |                        |                        |
| 2         | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ             | 432        |                        |                        |
|           | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>440</b> | <b>627 180 073 685</b> | <b>613 826 763 444</b> |

Huế, ngày 14 tháng 03 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nơi gửi:**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty



**DS. PHAN THỊ MINH TÂM**





